

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2021
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia
đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hòa; bà Bùi Thị Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thìn - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/6/2021 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Huyền L, sinh năm 1993

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1987

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là chị Phạm Thị Huyền L trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Lê Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 11/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn,

vợ chồng sinh sống cùng gia đình chị. Trong quá trình chung sống, chị và anh T đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, chị bị anh T đánh nhiều lần. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong làm ăn kinh tế, nhiều lần gia đình khuyên bảo hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến đầu năm 2019 vợ chồng ly thân, tuy sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn T.

Chị và anh Tuấn có 01 con chung là Lê Hạ V, sinh ngày 05/3/2015. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con V, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị là lao động tự do, thu nhập bình quân khoảng 7.000.000đ/tháng, chị có chỗ ở, chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con.

Chị và anh T tự phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay.

*) Bị đơn là anh Lê Văn T không trình bày lời khai, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi chị L và anh T cư trú cung cấp nội dung như sau:

Chị Phạm Thị Huyền L và anh Lê Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K theo quy định. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống và cư trú tại thôn Đ, xã B, huyện K. Quá trình chung sống, chị L và anh T có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức địa phương phải can thiệp. Việc chị L và anh T đoàn tụ hay ly hôn là do hai người quyết định, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị L và anh T có 01 con chung là cháu Lê Hạ V, sinh ngày 05/3/2015, hiện cháu đang ở cùng chị L và anh T. Việc giao cháu V cho ai nuôi đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của từng người và phù hợp quy định của pháp luật để giao cho người đó, đảm bảo quyền lợi cho cháu. Chị L và anh T đều là lao động tự do, thu nhập thế nào thì địa phương không nắm được

Về tài sản chung của chị L và anh T địa phương không nắm được, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Huyền L được ly hôn anh Lê Văn T.

+ Về nuôi con chung: Giao cho chị Phạm Thị Huyền L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Hạ V, sinh ngày 05/3/2015. Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Lê Văn T không trình bày lời khai, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa. Nguyên đơn là chị Phạm Thị Huyền L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị Huyền L và anh Lê Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, chị L bị anh T đánh nhiều lần. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong làm ăn kinh tế. Đến đầu năm 2019, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân đến nay, tuy vẫn sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh T không có mặt tại phiên hòa giải thể hiện việc anh không có thiện chí để đoàn tụ với chị L. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị L và anh T là có thật và ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân

lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phạm Thị Huyền L được ly hôn anh Lê Văn T là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là Lê Hạ V, sinh ngày 05/3/2015, hiện con đang ở cùng anh chị. Ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con V, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: Chị L có thu nhập, có chỗ ở, chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con, mặt khác, cháu Lê Hạ V là con gái nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc và nuôi dưỡng của chị L để cháu phát triển bình thường về tâm sinh lý. Do đó, áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Hạ V, do chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, anh T chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Huyền L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Huyền L được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Phạm Thị Huyền L trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Hạ V, sinh ngày 05/3/2015, không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Chị L và anh T có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Huyền L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng lệ phí, án phí tại biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0001416 ngày 08/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Đương sự;
- UBND xã B, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái